TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày: 15 tháng 5 năm 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Lê Viết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và bà Phạm Thị Tuyết Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi, là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số**:** 574/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXX - ST ngày 22/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: 117 H H T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Số 14 Thôn 2, xã E T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:

Tôi và bà Phạm Thị Tr quen biết hàng xóm của nhau. Ngày 9/7/2016 tôi có cho bà Tr mượn 83.000.000 đồng. Bà Tr hẹn đến ngày 8/8/2016 sẽ trả hết số tiền mà đã mượn của tôi. Khi vay chúng tôi có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 3%. Cho đến nay tôi đã đòi nhiều lần mà bà Tr vẫn không chịu trả cho tôi cả lãi suất lẫn tiền gốc.

Vậy tôi yêu cầu Tòa án, buộc bà Tr phải trả hết số tiền mà đã mượn của tôi là 83.000.000 đồng. Tôi yêu cầu bà Tr phải trả tiền lãi theo lãi suất nhà nước quy định.

Bị đơn bà Phạm Thị Tr trình bày:

Tôi và bà Lê Thị Thu H là hàng xóm của nhau lúc buôn bán vỡ nợ tôi có vay của chị H số tiền là 4.500.000 đồng lãi suất 15 ngàn đồng x 1 triệu x 1 ngày. Do hoàn cảnh làm thất thường nên tôi không đủ khả năng trả lãi suất cao như vậy, nên tôi xin tiền lãi

chị H không cho. Ngoài ra tôi có mua của chị H 01 cái điện thoại sam sung trị giá 500.000 đồng; 01 cái ipad trị giá 2.400.000 đồng; 01 điện thoại iphone 4 trị giá 1.200.000 đồng và 01 bộ đồ trị giá 380.000 đồng. Tổng số tiền tôi có nợ của bà H là 8.980.000 đồng. Tôi có gọi chị H lên trả nợ thì chị H có đưa ra giấy nợ là 83.000.000 đồng. Trong lúc vay mượn do chỗ quen biết nên chị H nói ký vào tờ giấy rồi chị viết vào, tôi ký bên dưới là người mượn tiền còn nội dung giấy mượn chưa viết, về sau chị H viết vào. Trong quá trình vay tôi có trả cho bà H nhiều lần nhưng không nhớ rõ. Tôi chỉ đồng ý trả số tiền 8.980.000 đồng.

Tại phiên toà hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 471, 474. 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Áp dụng Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H.

Buộc bà Phạm Thị Tr trả cho bà Lê Thị Thu H số tiền 83.000.000 đồng và lãi xuất theo pháp luật.

Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Tp Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 9/7/2016 bà Lê Thị Thu H cho bà Phạm Thị Tr vay số tiền 83.000.000 đồng, hẹn đến ngày 8/8/2016 trả. Khi vay có thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 3%, không thế chấp tài sản. Quá trình vay bà Phạm Thị Tr không trả nợ cho bà Lê Thị Thu H theo thỏa thuận là vi phạm, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hoàn trả số tiền 83.000.000 đồng nợ gốc là có cơ sở cần chấp nhận theo quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét về yêu cầu của bị đơn cho rằng chỉ nợ bà H số tiền 4.500.000 đồng, mua nợ của 1 cái điện thoại sam sung trị giá 500.000 đồng; 01 cái ipad trị giá 2.400.000 đồng; 01 điện thoại iphone 4 trị giá 1.200.000 đồng và 01 bộ đồ trị giá 380.000 đồng. Tổng số tiền nợ của bà H là 8.980.000 đồng. Tuy nhiên qua điều tra đối chất bà Tr không có chứng cứ chứng minh do đó không được chấp nhận.

[3] Xét về lãi suất giấy vay tiền không ghi lãi suất là bao nhiêu, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Do vậy cần áp dụng điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi suất cụ thể:

Khoản nợ: 83.000.000 đồng x 9%/năm x 33 tháng 6 ngày (9/8/2016 đến ngày 15/5/2019) = 20.667.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Thu H.

Buộc bà Phạm Thị Tr trả cho bà Lê Thị Thu H số tiền 103.667.000 đồng (trong đó tiền gốc là 83.000.000 đồng, tiền lãi là 20.667.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Tr phải chịu 5.183.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền 2.075.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Lê Thị Thu H đã nộp theo biên lai số AA/2017/0008401 ngày 1/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. Buôn Ma Thuột;*
- *Chi cục THADS TP.BMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Kiên